

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1748*/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày *02 tháng 11* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 485/TTr-SNV ngày 19 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ns*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, TH, NC.



Nguyễn Bốn



QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh
(kèm theo Quyết định số 1748 /QĐ-UBND ngày 02/ 11 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) các huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị).

3. Quy định này không áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị

1. Mục đích

Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các sở, UBND cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành quản lý hành chính nhà nước. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Đồng thời, xác định kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm.

2. Yêu cầu

Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của các cơ quan, đơn vị (gọi tắt là đánh giá xếp loại) được tổ chức định kỳ hàng năm trên cơ sở các tiêu chí tại Quy định này, bảo đảm tính kịp thời, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh đúng tình hình hoạt động chỉ đạo, điều hành, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, kiểm điểm làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những nhiệm vụ được giao trong thực tiễn hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý Nhà nước và công tác tổ chức chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị là việc làm thường xuyên hàng năm nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan.

Chương II

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 4. Nội dung, tiêu chí đánh giá và chấm điểm

1. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*theo Phụ lục 1, kèm theo Quy định này*).

2. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện (*theo Phụ lục 2, kèm theo Quy định này*).

3. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (*theo Phụ lục 3, kèm theo Quy định này*).

Điều 5. Thang điểm và Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm chấm là 100.

Căn cứ thang điểm chuẩn của từng tiêu chí tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quy định này; điểm chuẩn của các tiêu chí về nội dung thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao hàng năm, các cơ quan, đơn vị đối chiếu kết quả công việc của cơ quan, đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá, chấm điểm cho từng nội dung công việc.

2. Phương pháp chấm điểm: căn cứ phương pháp tính điểm được quy định cụ thể trong các tiêu chí tại phụ lục 1,2,3 ban hành kèm theo quyết định này và thang điểm chuẩn của từng tiêu chí các cơ quan, đơn vị đánh giá, tự chấm điểm theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Mức điểm cho mỗi tiêu chí là điểm tối đa khi

hoàn thành tốt toàn bộ yêu cầu của tiêu chí đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các cơ quan, đơn vị phải có bản thuyết minh, giải trình, lượng hóa kết quả chấm điểm từng tiêu chí theo phụ lục kèm theo quyết định này.

3. Điểm thưởng và điểm trừ.

a) Điểm thưởng: Các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc trong tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, xây dựng được mô hình mới tạo được đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; tham mưu giải quyết tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh công nhận; mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng không quá 02 điểm, nhưng tổng điểm thưởng không quá 05 điểm.

b) Điểm trừ: Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với các cơ quan, đơn vị để xảy ra các vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ mà các phương tiện thông tin, truyền thông, báo chí phản ánh, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh; vi phạm pháp luật hoặc ban hành các văn bản trái quy định của pháp luật; không thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao mà không có lý do; bị phê bình bằng văn bản; cơ quan, đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, vượt cấp; mỗi vụ việc vi phạm trừ không quá 02 điểm (bị phê bình bằng văn bản mỗi lần trừ 01 điểm), nhưng tổng điểm trừ tối đa không quá 10 điểm.

4. Kết quả điểm đánh giá để xếp loại của các cơ quan, đơn vị là tổng điểm sau khi được Hội đồng đánh giá xem xét thông qua

Điều 6. Tiêu chuẩn xếp loại

Căn cứ vào nội dung đánh giá và điểm hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức việc tự đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm theo các mức độ như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ **90** điểm đến **100** điểm;
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ **75** điểm đến **89** điểm;
3. Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ **50** điểm đến **74** điểm;
4. Không hoàn thành nhiệm vụ có số điểm dưới **50** điểm.

Chương III

THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Điều 7. Thẩm quyền đánh giá

1. UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị.

2. Các cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng đánh giá để đánh giá, xếp loại đối với các phòng, ban, chuyên môn, đơn vị, tổ chức trực thuộc.

3. Sở Nội vụ thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá, xếp loại các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh.

Điều 8. Thành lập Hội đồng đánh giá

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thành phần Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ;
- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Cục Thống kê, Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ. Mời lãnh đạo: Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh;. Thư ký Hội đồng là Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ.

- Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

Căn cứ hồ sơ tự đánh giá của từng cơ quan, đơn vị về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm theo các tiêu chí quy định tại Quyết định này để:

- Thẩm định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị;
- Tổng hợp trình UBND tỉnh công nhận từng cơ quan, đơn vị đạt các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Điều 6 của Quy định này.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng

- Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm thành lập Tổ giúp việc thành phần gồm: Trưởng Phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ làm Tổ trưởng; đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh làm Tổ phó; đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thanh Tra tỉnh và Đảng ủy khối Các cơ quan tỉnh làm Thành viên.

- Tổ giúp việc có nhiệm vụ: Căn cứ hồ sơ của các cơ quan, đơn vị để tham mưu giúp Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm; tổng hợp số điểm tự chấm của các cơ quan đơn vị, thống kê các kết quả đạt được và chưa đạt được của các cơ quan, đơn vị; dự kiến kết quả nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị và sau đó xin ý kiến của cơ quan thường trực về số điểm đạt được của các cơ quan, đơn vị trước khi trình Hội đồng thông qua.

2. Đối với các sở, các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thành phần Hội đồng

Thủ trưởng, người đứng đầu sở, đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thành lập Hội đồng; Hội đồng đánh giá gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó giám đốc sở phụ trách Văn phòng, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Chánh Văn phòng sở (hoặc tương đương).

- Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong cơ quan.

- Mời: Đại diện cấp ủy Đảng, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch công đoàn, Bí thư hoặc Phó Bí thư đoàn cơ sở của sở, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Văn phòng (hoặc tương đương) của sở, đơn vị sự nghiệp công lập là cơ quan thường trực của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Căn cứ vào Quy định tại văn bản này, các sở, các đơn vị sự nghiệp công lập tiến hành họp, xét, đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện xem xét thẩm định, trình người đứng đầu đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị, cơ quan, tổ chức trực thuộc.

3. Đối với UBND cấp huyện

a) Thành phần Hội đồng

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần Hội đồng đánh giá cấp huyện gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định số lượng và thành phần.

Mời đại diện: Thường trực HĐND huyện, lãnh đạo Ban tổ chức Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Liên đoàn lao động cấp huyện tham gia hội đồng.

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Căn cứ vào quy định tại văn bản này, UBND cấp huyện tiến hành họp, xem xét, đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện việc xem xét thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị, tổ chức sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 9. Hồ sơ và thời gian nộp kết quả tự đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị

1. Hồ sơ đánh giá

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ), để tổng hợp đánh giá phân loại hàng năm.

a) Đối với các sở, hồ sơ gồm có

- Báo cáo kết quả công tác năm (kèm theo chương trình công tác năm đã được UBND tỉnh phê duyệt).

- Biên bản họp xét của Hội đồng.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm tại Điều 4, (Phụ lục 1, kèm theo Quy định này); báo cáo do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng cụ thể cho từng nhiệm vụ đã được UBND tỉnh phê duyệt và tài liệu kiểm chứng những việc phát sinh được cơ quan có thẩm quyền giao nếu có).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

b) Đối với UBND cấp huyện, hồ sơ gồm có

- Báo cáo kết quả công tác năm (kèm theo chương trình công tác năm đã được UBND tỉnh phê duyệt).

- Biên bản họp xét của Hội đồng.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện theo Điều 4, (Phụ lục 2, kèm theo Quy định này); báo cáo do lãnh đạo UBND cấp huyện ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng cụ thể cho từng nhiệm vụ đã được UBND tỉnh phê duyệt và tài liệu kiểm chứng những việc phát sinh được cơ quan có thẩm quyền giao nếu có).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hồ sơ gồm có

- Báo cáo kết quả công tác năm (kèm theo chương trình công tác năm đã được UBND tỉnh phê duyệt).

- Biên bản họp xét của Hội đồng.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Điều 4, (Phụ lục 3, kèm theo Quy định này); báo cáo do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng cụ thể cho từng nhiệm vụ đã được UBND tỉnh phê duyệt và tài liệu kiểm chứng những việc phát sinh được cơ quan có thẩm quyền giao nếu có).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc đơn vị.

- Kết quả đánh giá công chức, viên chức hàng năm.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

2. Thời gian nộp hồ sơ đánh giá

Chậm nhất đến trước **25 tháng 12** hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải gửi kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình theo Điều 4 và Điều 6, Quy định này về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ) để tổng hợp trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh xem xét thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **25 tháng 01** hàng năm của năm liền kề.

Điều 10. Quy trình, trình tự đánh giá và thẩm quyền công nhận

1. Quy trình đánh giá, xếp loại

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phối hợp với cấp ủy, Ban chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, đối chiếu với tiêu chí đánh giá, thành lập hội đồng cùng cấp tiến hành tự đánh giá, chấm điểm về xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Chương II, kèm theo phụ lục tương ứng với từng cơ quan, đơn vị và tự nhận mức xếp loại theo Điều 6 Quy định này, sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và các văn bản có liên quan lên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Nội vụ).

b) Sở Nội vụ

Tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại các sở, UBND cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng

Kiểm tra, rà soát, đối chiếu kết quả thẩm định; tổng hợp báo cáo Hội đồng.

Cơ sở để kiểm tra, rà soát, thẩm định:

+ Báo cáo kết quả tự đánh giá chấm điểm xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Chương II, Quy định này.

+ Hồ sơ tài liệu kiểm chứng, chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo các tiêu chí quy định; các văn bản pháp luật; văn bản giao nhiệm vụ, các văn bản liên quan đến kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan có thẩm quyền...

d) Hội đồng đánh giá của UBND tỉnh họp, nghe báo cáo kết quả thẩm định của tổ giúp việc, xem xét thống nhất kết quả đánh giá, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định xếp loại và công bố kết quả xếp loại.

2. Thẩm quyền công nhận

a) UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

b) Thủ trưởng, người đứng đầu xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện.

Điều 11. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và giám sát đánh giá.

1. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, Hội đồng đánh giá của tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc giám sát, đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện những quy định của Quy định này. Đồng thời, có biện pháp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của Pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Các cơ quan, đơn vị.

a) Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này, hàng năm có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định đảm bảo tính trung thực và khách quan, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

b) Căn cứ Quy định này, cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm thành quy định của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại hàng năm đối với các phòng, ban chuyên môn; các đơn vị trực thuộc và các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tham mưu tổ chức thực hiện các chương trình công tác, đề án và quy trình giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; các văn bản phê bình của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, định kỳ hàng tháng thống kê, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Đồng thời, gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, UBND cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc chấm điểm cho các cơ quan, đơn vị. Xây dựng nội dung, tiêu chí đánh giá, thang bảng điểm và tổ chức đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm cho các Hội đặc thù cấp tỉnh báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Định kỳ hàng tháng thống kê tình hình chấp hành chế độ thông tin báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm của các sở, UBND cấp huyện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Đồng thời có nhiệm vụ đánh giá trực tiếp về kết quả hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đối với UBND các huyện, thị xã theo các tiêu chí quy định tại mục 5 Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

5. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chí về: kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

7. Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan để triển khai các nhiệm vụ./.

Tên cơ quan....

Phụ lục 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
 (Kèm theo Quyết định số 1748 /QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
I	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Sở, Ban, ngành (cơ quan, đơn vị)	60		
1	<p>Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.</p> <p>Công thức tính tổng điểm = $\frac{\text{Số việc thực hiện} \times \text{số điểm}}{\text{Tổng việc được giao}}$</p> <p><i>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i> <i>* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc.</i> <i>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc tham mưu sai sót được tính là không hoàn thành.</i></p>	40		
-	Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh) về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.	10		Các văn bản triển khai
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (các cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng các chương trình, đề án trong năm, trình UBND tỉnh thông qua, ban hành Chương trình công tác năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện)	20		Các văn bản triển khai từng nhiệm vụ trọng tâm đã được UBND tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị phê duyệt
-	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thêm trong năm	10		Các văn bản chỉ đạo, văn bản phê bình
2	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật.	05		Các văn bản, kế hoạch kèm theo

10/2

	Công thức tính tổng điểm = $\frac{\text{Số kế hoạch thực hiện x số điểm}}{\text{Tổng kế hoạch được giao}}$			
-	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật	02		
-	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	02		
-	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	01		
3	Tham mưu cho UBND tỉnh phân cấp quản lý nhà nước cho cấp huyện theo lĩnh vực được giao (<i>không thực hiện phân cấp chấm bằng 1/2 điểm so với điểm tối đa</i>)	05		Các văn bản tổ chức, hướng dẫn
4	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (<i>cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 05 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 03 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 02 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 10 điểm</i>).	10		Báo cáo đánh giá năm của các sở, ngành, các báo cáo tháng, quý, năm
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (<i>lấy kết quả chấm điểm cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>)	10		
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt 100 điểm	10		
2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90-99 điểm	08		
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80-89 điểm	06		
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70-79 điểm	04		
5	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60-69 điểm	02		
6	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60 điểm	0		
III	THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ	05		
1	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức (<i>không tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm trừ 01 điểm</i>)	02		Các văn bản triển khai
2	Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	01		Các báo cáo kết quả thực hiện
3	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham			Các văn bản triển khai, hình ảnh về việc niêm yết các

10/2

	gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 7 Mục 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ (không thực hiện việc công khai đầy đủ các nội dung trừ 01 điểm)	01		loại hồ sơ của cơ quan, đơn vị; các báo cáo kiểm tra đột xuất của tổ giúp việc
4	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC (không ban hành trừ 01 điểm)	01		Quy chế phối hợp
IV	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	10		
1	Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm (Ban hành được kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 01 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 02 điểm)	02		Các văn bản, kế hoạch triển khai
2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 01 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 02 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 03 điểm).	03		Các kế hoạch, kết luận sau kiểm tra
3	Kê khai, công khai tài sản, tài chính theo quy định (Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 02 điểm)	02		
4	Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định (Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 01 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 02 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 03 điểm).	03		Thống kê của Thanh tra tỉnh
V	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	10		
1	Quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; công tác thi đua - khen thưởng đúng quy định.	02		Các văn bản triển khai
2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 05 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 04 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 03 điểm; cảnh cáo trừ 02 điểm, khiển trách trừ 01 điểm (mỗi cơ quan, đơn vị chỉ áp dụng một hình thức cao	05		Căn cứ các văn bản thi hành kỷ luật

	<i>nhất).</i>			
3	Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (<i>vi phạm lần đầu trừ 01 điểm; vi phạm từ 02-04 lần trừ 02 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên trừ 03 điểm</i>).	03		Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra Chỉ thị 17
VI	Kết quả đánh giá các tổ chức chính trị, xã hội của đơn vị (các tổ chức đạt vững mạnh được chấm điểm tối đa; không đạt vững mạnh chấm 0 điểm)	05		Các quyết định công nhận
1	Kết quả Công tác Đảng	02		
2	Kết quả công tác Công đoàn	02		
3	Kết quả công tác Đoàn Thanh niên	01		
	Tổng cộng: I+II+III+IV+V+VI	100		

102



Phụ lục 2

Tên cơ quan.... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 1748 /QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
I	Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại trên địa bàn cấp huyện theo các chỉ tiêu được Nghị quyết của HĐND cấp huyện phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh + Đạt 100% kế hoạch trở lên: được điểm chuẩn tối đa; + Đạt từ 70% đến dưới 100% KH: được 2/3 điểm chuẩn tối đa; + Đạt 50% đến dưới 70% KH: được 1/2 điểm chuẩn tối đa; + Đạt dưới 50% KH: 0 điểm;	30		Các báo cáo kết quả hoàn thành các chỉ tiêu
1	Nhóm tiêu chí về kinh tế	11		
-	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	01		
-	Thu nhập bình quân đầu người	01		
-	Tổng giá trị sản xuất	01		
-	Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế	01		
-	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	02		
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	02		
-	Hạ tầng giao thông	01		
-	Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị	01		
-	Hạ tầng cấp điện	01		
2	Nhóm tiêu chí về Văn hóa – Xã hội	06		
-	Tốc độ tăng dân số	01		
-	Lao động và việc làm	01		
-	Giảm nghèo	01		
-	Y tế	01		
-	Giáo dục	01		
-	Văn hóa	01		
3	Nhóm tiêu chí về môi trường	05		
-	Tỷ lệ che phủ rừng	01		
-	Xử lý chất thải rắn	01		
-	Xử lý nước thải	01		
-	Xử lý ô nhiễm không khí	01		
-	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	01		
4	Nhóm tiêu chí về an ninh trật tự	03		
-	Kết quả phòng chống tội phạm	01		

102

-	Kết quả giảm tỷ lệ tai nạn giao thông	01		
-	Công tác phòng chống cháy nổ	01		
5	Nhóm tiêu chí về quốc phòng	02		
-	Kết quả tuyển quân	01		
-	Kết quả xây dựng dân quân tự vệ, dự bị động viên	01		
6	Nhóm tiêu chí nông thôn mới	03		
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước	35		
1	<p>Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện.</p> <p>Công thức tính tổng điểm = $\frac{\text{Số việc thực hiện x số điểm}}{\text{Tổng việc được giao}}$</p> <p><i>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i> <i>* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc.</i> <i>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc công việc không đảm bảo chất lượng được tính là không hoàn thành.</i></p>	20		
-	Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, của Sở, ngành, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh).	05		Các văn bản triển khai
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (các cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng các chương trình, đề án trong năm, trình UBND tỉnh thông qua, ban hành Chương trình công tác năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện)	10		Các văn bản triển khai từng nhiệm vụ trọng tâm đã được UBND tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị phê duyệt
-	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thêm trong năm	05		Các văn bản chỉ đạo, văn bản phê bình
2	<p>Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật.</p> <p>Công thức tính tổng điểm = $\frac{\text{Số kế hoạch thực hiện x số điểm}}{\text{Tổng kế hoạch được giao}}$</p>	05		Các văn bản, kế hoạch kèm theo
-	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật	02		
-	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	02		
-	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	01		
3	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế	10		Báo cáo đánh giá

	hoạch công tác năm; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (<i>cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 05 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 03 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 02 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 10 điểm</i>).			năm của UBND cấp huyện, các báo cáo tháng, quý, năm
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (<i>lấy kết quả chấm điểm cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>)	10		
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt 100 điểm	10		
2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90-99 điểm	08		
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80-89 điểm	06		
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70-79 điểm	04		
5	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60-69 điểm	02		
6	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60 điểm	0		
IV	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	10		
1	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm (<i>Ban hành được kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 01 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 02 điểm</i>)	02		Các văn bản, kế hoạch triển khai
2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (<i>Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 01 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 02 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 03 điểm</i>).	03		Các kế hoạch, kết luận sau kiểm tra
3	Kê khai, công khai tài sản, tài chính theo quy định (<i>Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 02 điểm</i>)	02		
4	Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định (<i>Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 01 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 02 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 03 điểm</i>).	03		Thống kê của Thanh tra tỉnh
V	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	10		
1	Quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác	02		Các văn bản triển khai và báo cáo kết quả thực

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

	văn thư - lưu trữ; công tác thi đua - khen thưởng đúng quy định.			hiện
2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 05 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 03 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 02 điểm; khiển trách trừ 01 điểm (mỗi cơ quan, đơn vị chỉ áp dụng một hình thức cao nhất).	05		Căn cứ các văn bản thi hành kỷ luật
3	Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (vi phạm lần đầu trừ 01 điểm; vi phạm từ 02-04 lần trừ 02 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên trừ 03 điểm).	03		Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra Chỉ thị 17
VI	Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	05		Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngành có liên quan cho ý kiến trực tiếp
1	Kết quả chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách, quy định nhà nước và của tỉnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh (đánh giá khả năng thực hiện các chính sách, quy định nhà nước và của tỉnh: tốt 01 điểm; khá 0,5 điểm; còn lại 0 điểm).	01		
2	Kết quả thu hút đầu tư (đánh giá theo tỷ lệ thu hút đầu tư so với mức trung bình toàn tỉnh: cao 01 điểm; khá 0,5 điểm; trung bình 0 điểm).	01		
3	Thực hiện công bố công khai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đơn giá bồi thường GPMB; thông tin thường xuyên về các cơ chế, chính sách, chính sách thuế (thực hiện công bố công khai: 01 điểm; thực hiện chưa tốt: 0,5 điểm; không thực hiện: 0 điểm).	01		
4	Khả năng tiếp cận đất đai	01		
-	Sự phù hợp của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (phù hợp được 0.5 điểm; thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch: 0 điểm)	0,5		
-	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (chậm tiến độ dự án trừ 0,5 điểm)	0,5		
5	Kết quả hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	01		Các văn bản triển khai và kết quả thực hiện
	Tổng cộng: I+II+III+IV+V+VI	100		

nu2

Phụ lục 3

Tên cơ quan....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
I	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ	60		
1	<p>Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.</p> <p align="center">Công thức tính tổng điểm = $\frac{\text{Số việc thực hiện} \times \text{số điểm}}{\text{Tổng việc được giao}}$</p> <p>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt. * Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc. * Trường hợp không thực hiện công việc hoặc tham mưu sai sót được tính là không hoàn thành.</p>	40		
-	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của các Bộ chuyên ngành, UBND tỉnh, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực kịp thời, hiệu quả.	10		Các văn bản triển khai
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (các cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng các chương trình, đề án trong năm, trình UBND tỉnh thông qua, ban hành Chương trình công tác năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện)	20		Các văn bản triển khai từng nhiệm vụ trọng tâm đã được UBND tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị phê duyệt
-	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thêm trong năm	10		Các văn bản chỉ đạo, văn bản phê bình
2	Xây dựng và thực hiện kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm.	05		Phương án tự chủ, tự chịu trách

nu2

				hiệm và các văn bản liên quan (nếu có)
3	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán (<i>đơn vị không chấp hành tốt trừ 03 điểm</i>).	05		Các văn bản tổ chức, hướng dẫn
4	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (<i>cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 05 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 03 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 02 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 10 điểm</i>).	10		Báo cáo đánh giá năm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các báo cáo tháng, quý, năm
II THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ		05		
1	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức (<i>không tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm trừ 01 điểm</i>)	02		Các văn bản triển khai
2	Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	01		Các báo cáo kết quả thực hiện
3	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức theo quy định tại Điều 7 Mục 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ (<i>không thực hiện việc công khai đầy đủ các nội dung trừ 01 điểm</i>)	01		Các văn bản triển khai, hình ảnh về việc niêm yết các loại hồ sơ của cơ quan, đơn vị; các báo cáo kiểm tra đột xuất của tổ giúp việc
4	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác			Quy chế phối hợp

02

	trong việc thực hiện quy chế dân chủ (<i>không ban hành trừ 01 điểm</i>)	01		
III	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	10		
1	Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm tại cơ quan, đơn vị (<i>Ban hành được kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 01 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 02 điểm</i>)	02		Các văn bản, kế hoạch triển khai
2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (<i>Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 01 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 02 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 03 điểm</i>).	03		Các kế hoạch, kết luận sau kiểm tra
3	Kê khai, công khai tài sản, tài chính theo quy định (<i>Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 02 điểm</i>)	02		
4	Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định (<i>Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 01 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 02 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 03 điểm</i>).	03		Thống kê của Thanh tra tỉnh
IV	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	20		
1	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng viên chức, người lao động đúng quy định của pháp luật và của UBND tỉnh (<i>đơn vị có vi phạm quy định của pháp luật về công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ, viên chức trừ 05 điểm</i>).	12		Các quyết định tuyển dụng, bố trí, sử dụng viên chức, người lao động trong năm
2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 05 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 04 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 03 điểm; cảnh cáo trừ 02 điểm, khiển trách trừ 01 điểm (<i>mỗi cơ quan, đơn vị chỉ áp dụng một hình thức cao nhất</i>).	05		Căn cứ các văn bản thi hành kỷ luật
3	Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, viên chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (<i>vi phạm lần đầu trừ 01 điểm; vi phạm từ 02-04 lần trừ 02 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên trừ 03 điểm</i>).	03		Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra

ruo2

				Chỉ thị 17
V	Kết quả đánh giá các tổ chức chính trị, xã hội của đơn vị (các tổ chức đạt vững mạnh được chấm điểm tối đa; không đạt vững mạnh chấm 0 điểm)	05		Các quyết định công nhận
1	Kết quả Công tác Đảng	02		
2	Kết quả công tác Công đoàn	02		
3	Kết quả công tác Đoàn Thanh niên	01		
	Tổng cộng: I+II+III+IV+V	100		

012

